

Số: 881 /QĐ-BNN-TC

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao Kế hoạch cung ứng sản phẩm dịch vụ hậu cần nghề cá trên vùng biển xa, kế hoạch sản xuất kinh doanh, chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp năm 2025 cho Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Khai thác Hải sản Biển Đông

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và các nghị định sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 1322/QĐ-BNN-TCCB ngày 06/4/2020 về giao nhiệm vụ quản lý, cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích và Quyết định số 3763/QĐ-BNN-TCCB ngày 21/9/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của quyết định 1322/QĐ-BNN-TCCB ngày 06/4/2020;

Căn cứ Quyết định 3092/QĐ-BNN-TCTS ngày 11/8/2020 về việc phê duyệt nội dung nhiệm vụ công ích dịch vụ hậu cần nghề cá trên vùng biển xa và quản lý, khai thác duy tu các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá;

Căn cứ Quyết định 3411/QĐ-BNN-QLDN ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT v/v giao Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khai thác Hải sản Biển Đông thực hiện nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích tại Đảo Đá Tây và vùng biển, đảo lân cận thuộc quần đảo Trường Sa – DK1;

Căn cứ Quyết định số 2700/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 03/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật trong dịch vụ

hậu cần nghề cá trên vùng biển Trường Sa-DK1 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung số 4082/QĐ-BNN-QLDN ngày 06/10/2016, số 4168/QĐ-BNN-TCTS ngày 25/10/2018, số 2723/QĐ-BNN-QLDN ngày 21/6/2021 và số 3591/QĐ-BNN-TS ngày 22/10/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số định mức kinh tế - kỹ thuật trong dịch vụ hậu cần nghề cá trên vùng biển Trường Sa và DK1 của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khai thác Hải sản Biển Đông;

Căn cứ văn bản số 2230/VPCP-ĐMDN ngày 18/8/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện giao nhiệm vụ đối với Công ty TNHH MTV dịch vụ khai thác Hải sản Biển Đông;

Căn cứ Văn bản số 9550/BNN-TC ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thông báo dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ công ích;

Xét Tờ trình số 39/TTr-HSBD-KHSX ngày 12/02/2025 về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công ích Dịch vụ hậu cần nghề cá trên vùng biển xa và Quản lý, khai thác, duy tu các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá và kế hoạch sản xuất kinh doanh, chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp năm 2025 của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khai thác Hải sản Biển Đông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch cung ứng sản phẩm dịch vụ hậu cần nghề cá trên vùng biển xa, kế hoạch sản xuất kinh doanh, chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp năm 2025 cho Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Khai thác Hải sản Biển Đông (Công ty Hải sản Biển Đông), như sau:

1. Nội dung nhiệm vụ công ích, đối tượng và phạm vi áp dụng thực hiện theo danh mục nhiệm vụ công ích quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Quyết định 3092/QĐ-BNN-TCTS ngày 11/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt nội dung nhiệm vụ công ích dịch vụ hậu cần nghề cá trên vùng biển xa và quản lý, khai thác duy tu các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá.

2. Chỉ tiêu Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công ích năm 2025 – Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo.

3. Kế hoạch chi tiết kinh phí ngân sách năm 2025 (Loại 280 khoản 284) - Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp và chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp năm 2025 – Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cục Thủy sản: Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ công ích Dịch vụ hậu cần nghề cá trên vùng biển xa và Quản lý, khai thác, duy tu các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá của Công ty Hải sản Biển Đông theo các quy định; nghiệm thu số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ công ích.

2. Vụ Tài chính: Quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ công ích cho Công ty Hải sản Biển Đông theo quy định.

3. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khai thác Hải sản Biển Đông:

- Xây dựng kế hoạch chi tiết không vượt quá kinh phí ngân sách nhà nước cấp để triển khai nhiệm vụ.

- Thực hiện sản xuất, cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích đảm bảo đủ số lượng, khối lượng, đạt chất lượng, đúng quy định pháp luật. Có biện pháp đảm bảo an toàn cho người và phương tiện khi tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh hoàn thành kế hoạch, chỉ tiêu được giao; sử dụng các nguồn lực, nguồn vốn nhà nước giao có hiệu quả; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý và điều hành hoạt động của doanh nghiệp;

- Định kỳ hoặc đột xuất lập báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch được giao báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và gửi Bộ Tài chính theo quy định.

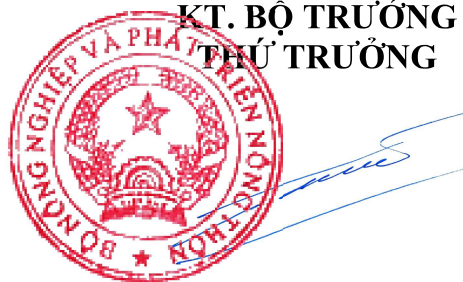
4. Việc thanh quyết toán thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích của Công ty Biển Đông được thực hiện theo kết quả nghiệm thu thực tế.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Cục trưởng Cục Thủy sản, Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khai thác Hải sản Biển Đông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr. Phùng Đức Tiến (để biết);
- Các Bộ Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thủy sản (để p/hợp);
- TT Chuyển đổi số & TKNN (để CBTT);
- Kiểm soát viên Cty Biển Đông (để giám sát);
- Lưu: VT, TC.



Hoàng Trung

Phụ lục I
CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TC ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Chi tiết nội dung nhiệm vụ	ĐTV	Khối lượng	Ghi chú
I	Nhiệm vụ công ích dịch vụ hậu cần nghề cá trên vùng biển xa			
1	Vận chuyển, cung ứng nhiên liệu và lương thực, thực phẩm và nhu yếu phẩm cho ngư dân trên vùng biển Trường Sa và DK1 (<i>kết hợp thực hiện sự có mặt dân sự tại vùng biển Trường Sa – DK1</i>)			Giá cung ứng cho ngư dân bằng giá trên đất liền
1.1	<i>Khối lượng cung ứng Nhiên liệu (Dầu DO)</i>	<i>lít</i>	<i>350.000</i>	
1.2	<i>Khối lượng cung ứng lương thực, thực phẩm và nhu yếu phẩm (không bao gồm rượu, bia và đồ uống có cồn)</i>	<i>tấn</i>	<i>20</i>	
1.3	<i>Tổng số chuyến biển đội tàu dịch vụ hậu cần vận chuyển nhiên liệu, lương thực, thực phẩm và nhu yếu phẩm (*)</i>	<i>chuyến</i>	<i>34</i>	<i>Chuyến biển được tính theo tiêu chí tại Quyết định 1907/QĐ-BNN-TS ngày 24/6/2024</i>
1.4	<i>Thời gian đi biển của đội tàu hậu cần nghề cá tại vùng biển Trường Sa – DK1(**)</i>	<i>ngày</i>	<i>453</i>	<i>Thời gian thực hiện chuyến biển của 04 tàu dịch vụ hậu cần và tàu ĐT03</i>
2	Sản xuất và cung ứng nước đá (50kg/cây)	cây	116.480	Giá cung ứng cho ngư dân bằng giá trên đất liền
3	Cung cấp nước ngọt	m ³	2.300	Miễn phí cho ngư dân
4	Trực cứu hộ, lai dắt tàu cá (***)	ngày	59	Thời gian trực của tàu Đá Tây 03
II	Nhiệm vụ quản lý, khai thác, duy tu khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá			
1	Quản lý, khai thác, duy tu cơ sở hạ tầng gắn liền với vùng đất, vùng nước khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại Đảo Đá Tây	tháng	12	12 tháng = 365 ngày cho năm 2025 (<i>để tính số ngày công lao động hoạt động công ích làm việc tại Trung tâm DVHC nghề cá đảo Đá Tây căn cứ văn bản</i>

TT	Chi tiết nội dung nhiệm vụ	ĐTV	Khối lượng	Ghi chú
				số 4898/BNN-TCCB ngày 10/7/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công ích Bộ giao năm 2024)
-	Quản lý, khai thác khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại Đảo Đá Tây			Nhân công, năng lượng, cơ sở hạ tầng thực hiện theo phương án quản lý, khai thác được Công ty phê duyệt
-	Duy tu cơ sở hạ tầng			Theo kế hoạch bảo trì của Công ty, tạm tính bằng 35% theo định mức tại 1, Mục V, Phần II, Quyết định 2700/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 03/11/2011
-	Hướng dẫn, kiểm tra tàu cá ra, vào khu dịch vụ hậu cần tiếp ứng nhiên liệu, lương thực thực phẩm.	lượt tàu	Theo thực tế	
-	Hướng dẫn, kiểm tra, bố trí chỗ neo đậu cho tàu thuyền vào tránh trú bão đảm bảo an toàn	lượt tàu	Theo thực tế	
2	Lai dắt, sửa chữa tàu cá	Lượt tàu	Theo thực tế	
-	Lai dắt tàu cá			Miễn phí
-	Sửa chữa tàu cá			Sửa chữa miễn phí nhân công, năng lượng, nhà xưởng phục vụ sửa chữa
3	Kết hợp tham gia làm nhiệm vụ cứu nạn trên biển; sẵn sàng bảo vệ người và phương tiện trong trường hợp xảy ra mất an ninh trên biển	lượt tàu	Theo thực tế	

(*) Số chuyến biển năm 2025 bao gồm cả 01 chuyến biển của tàu Đá Tây 03 đi về đất liền để thực hiện sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và đăng kiểm theo định kỳ.

(**) Căn cứ theo diễn biến thời tiết thực tế trong năm, thời gian đi biển của đội tàu hậu cần nghề cá tại vùng biển Trường Sa – DK1 có thể thay đổi (tăng hoặc giảm).

(***) Trong thời gian tàu Đá Tây 03 thực hiện sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng định kỳ, Công ty phải bố trí phương tiện đảm bảo việc thực hiện trực cứu hộ, lai dắt tàu cá không bị gián đoạn.

Phụ lục II
KẾ HOẠCH CHI TIẾT KINH PHÍ NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TC ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Nhiệm vụ công ích	ĐVT	Khối lượng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
A	Kế hoạch thu, ngân sách hỗ trợ			73.372.000.000	
I	Ngân sách nhà nước cấp			70.000.000.000	
II	Chi phí hoạt động công ích Công ty tự đảm bảo			2.686.000.000	
III	Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động SXKD			686.000.000	
B	Kế hoạch chi hoạt động công ích			73.372.000.000	
I	Chi phí thực hiện nhiệm vụ công ích dịch vụ hậu cần nghề cá trên vùng biển xa			30.978.000.000	
1	Chi phí tiền lương (lương, phụ cấp)			12.944.000.000	
2	Chi phí BHXH, BHYT và KPCĐ			1.751.000.000	
3	Tiền ăn			270.000.000	
4	Số lao động làm việc trên các tàu	người	43	-	Các tàu DVHC 9 người/tàu; Tàu lai dắt cứu hộ 7 người/tàu
5	Chi phí hỗ trợ cung ứng nhiên liệu, lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm tại vùng biển Trường Sa và DK1 (chi phí hỗ trợ bơm cấp)			49.000.000	
5.1	<i>Cung ứng Nhiên liệu (Dầu DO)</i>	<i>lít</i>	<i>350.000</i>	<i>49.000.000</i>	
5.2	<i>Cung ứng lương thực, thực phẩm và nhu yếu phẩm (không bao gồm rượu, bia và đồ uống có cồn)</i>	<i>tấn</i>	<i>20</i>	-	
6	Cung cấp nước ngọt	m3	2.300	30.000.000	Chi phí hao hụt bơm cấp
7	Chi phí cho đội tàu hoạt động vận chuyên, cung ứng nhiên liệu, đi biển và hoạt động trực cứu hộ, lai dắt			15.934.000.000	
II	Chi phí quản lý, khai thác, duy tu khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá			30.834.000.000	
1	Chi phí tiền lương (lương, phụ cấp)			9.290.000.000	

TT	Nhiệm vụ công ích	ĐVT	Khối lượng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
2	Chi phí BHXH, BHYT và KPCĐ			1.091.000.000	
3	Số lao động làm việc trên các tàu	người	25	-	
4	Chi phí quản lý, khai thác, duy tu cơ sở hạ tầng gắn liền với vùng đất, vùng nước khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại Đảo Đá Tây	tháng	12	20.453.000.000	Thực hiện quản lý, khai thác toàn thời gian trong năm
4.1	<i>Chi phí phát điện sản xuất nước đá, bảo quản nước đá (50kg/cây) và phát điện trên đảo Đá Tây</i>	<i>cây</i>	<i>116.480</i>	<i>7.127.000.000</i>	<i>Giá cung ứng cho ngư dân bằng giá trên đất liền</i>
4.2	<i>Chi phí quản lý, khai thác, duy tu khác</i>			<i>13.326.000.000</i>	
III	Chi phí quản lý doanh nghiệp			10.874.000.000	
1	Người quản lý DN + Kiểm soát viên			2.172.000.000	
1.1	<i>Chi phí tiền lương (lương, phụ cấp)</i>			<i>1.716.000.000</i>	
1.2	<i>Chi phí BHXH, BHYT và KPCĐ</i>			<i>403.000.000</i>	
1.3	<i>Tiền ăn</i>			<i>53.000.000</i>	
2	Lao động khối văn phòng			5.256.000.000	
2.1	<i>Chi phí tiền lương (lương, phụ cấp)</i>			<i>4.486.000.000</i>	
2.2	<i>Chi phí BHXH, BHYT và KPCĐ</i>			<i>621.000.000</i>	
2.3	<i>Tiền ăn</i>			<i>149.000.000</i>	
3	Chi phí quản lý			3.107.000.000	
4	Khấu hao TSCĐ			340.000.000	
II	Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)			686.000.000	

() Quỹ khen thưởng và phúc lợi năm 2025 chỉ được trích, phân phối sau khi có Quyết định xếp loại doanh nghiệp của cấp có thẩm quyền.*

Phụ lục III
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH DỊCH VỤ TỔNG HỢP
VÀ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TC ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh tổng hợp (Cảng cá Cát Lở) năm 2025

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2024 ^(*)	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ KH2025/TH2024 (%)
I	Sản lượng				
1	Sản xuất nước đá	Cây	588.791	660.000	112,09
2	Hải sản qua cảng	Tấn	20.982	26.400	125,82
II	Các chỉ tiêu tài chính				
1	Doanh thu	Tr.đ	49.539	49.200	99,32
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	6.884	7.000	101,69
III	Lao động tiền lương				
1	Tổng số lao động	Người	61	60	98,36
2	Tổng quỹ lương	Tr.đ/ng	9.369	8.910	95,10
3	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/thg	12,80	12,375	96,68

II. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp năm 2025

TT	Chỉ tiêu tài chính	Đvt	TH năm 2024 ^(*)	Kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ KH 2025/TH2024 (%)
A	B	C	2	3	5=3/2
1	Tổng doanh thu	Tr. đ	123.750	128.247	103,63
-	Doanh thu từ hoạt động công ích	Tr. đ	74.211	79.047	106,52
-	Doanh thu từ SXKD dịch vụ tổng hợp	Tr. đ	49.539	49.200	99,32
2	Vốn chủ sở hữu bình quân	Tr. đ	1.583.236	1.583.236	100,00
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	5.430	5.600	103,13
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	0,34	0,35	104,03
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr. đ	Theo Quy định		

() Số liệu thực hiện năm 2024 được ghi nhận theo Báo cáo của Công ty (thời điểm ban hành Quyết định giao kế hoạch, chỉ tiêu giám sát Bộ chưa thực hiện thẩm tra, quyết toán năm 2024)*